TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 16-Phòng Thanh tra pháp chế, BVQS

Tháng 6 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương				HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**111**			**55.327.050**	**3**	**934.038**				**584.000**	**3.045.000**	**0,37**	**1.037.550**	**60.927.638**	**3.087.500**	**579.100**	**386.200**	**609.200**	**275.000**				**4.937.000**	**55.990.638**	
1	HL-06228	Phạm Hải Hưng	Trưởng phòng	8.240.000	14	A		13.158.450						306.000	1.305.000			14.769.450	659.300	123.700	82.500	147.700	55.000				1.068.200	13.701.250	
2	HL-00082	Nguyễn Đắc Hiếu	Phó phòng	8.095.000	22	A		10.542.150	3	934.038						0,30	417.000	11.893.188	647.700	121.500	81.000	118.900	55.000				1.024.100	10.869.088	
3	HL-00068	Hà Trung Kiên	Phó phòng	6.843.000	25	A		10.542.150							870.000			11.412.150	547.500	102.700	68.500	114.100	55.000				887.800	10.524.350	
4	HL-01396	Nguyễn Kim Cương	Phó phòng	8.865.000	25	A		10.542.150						278.000		0,07	620.550	11.440.700	709.300	133.000	88.700	114.400	55.000				1.100.400	10.340.300	
5	HL-02807	Phạm Minh Tuấn	Phó phòng	6.545.000	25	A		10.542.150							870.000			11.412.150	523.700	98.200	65.500	114.100	55.000				856.500	10.555.650	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**75**			**23.158.720**			**2**	**900.000**	**54.278**		**1.740.000**			**25.852.998**	**1.306.300**	**245.100**	**163.400**	**258.500**	**165.000**				**2.138.300**	**23.714.698**	
6	HL-00971	Vũ Minh Phương	Chuyên viên	6.264.000	25	A		8.684.520							870.000			9.554.520	501.200	94.000	62.700	95.500	55.000				808.400	8.746.120	
7	HL-00153	Đỗ Mạnh Tưởng	Chuyên viên	4.908.000	25	A		7.237.100							870.000			8.107.100	392.700	73.700	49.100	81.100	55.000				651.600	7.455.500	
8	HL-00934	Đỗ Phương Anh	Chuyên viên	5.154.000	25	A		7.237.100			2	900.000	54.278					8.191.378	412.400	77.400	51.600	81.900	55.000				678.300	7.513.078	
3	**20**	**Tổ bảo vệ**			**307**		**70.695**	**69.562.948**										**69.562.948**	**4.920.000**	**923.100**	**615.800**	**695.800**	**660.000**	**815.750**			**8.630.450**	**60.932.498**	
9	HL-02978	Vũ Văn Mạnh	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	26	A	5.902	5.807.490										5.807.490	404.100	75.800	50.600	58.100	55.000				643.600	5.163.890	
10	HL-02922	Đặng Tuấn Anh	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	5.746	5.653.988										5.653.988	404.100	75.800	50.600	56.500	55.000				642.000	5.011.988	
11	HL-02046	Nguyễn Hồng Quân	NV bảo vệ	5.287.000	26	A	5.746	5.653.988										5.653.988	423.000	79.400	52.900	56.500	55.000				666.800	4.987.188	
12	HL-01011	Nguyễn Văn Lẽ	NV bảo vệ	5.231.000	26	A	5.902	5.807.490										5.807.490	418.500	78.500	52.400	58.100	55.000				662.500	5.144.990	
13	HL-01912	Phạm Quang Tuyến	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	6.968	6.856.420										6.856.420	384.900	72.200	48.200	68.600	55.000				628.900	6.227.520	
14	HL-03114	Đỗ Văn Đăng	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	4.654	4.579.475										4.579.475	404.100	75.800	50.600	45.800	55.000	392.100			1.023.400	3.556.075	
15	HL-02826	Đinh Vĩnh Thành	Bảo vệ cơ động	5.287.000	26	A	4.654	4.579.475										4.579.475	423.000	79.400	52.900	45.800	55.000				656.100	3.923.375	
16	HL-00161	Đỗ Trọng Huấn	Tổ trưởng cơ động	5.051.000	26	A	6.968	6.856.420										6.856.420	404.100	75.800	50.600	68.600	55.000				654.100	6.202.320	
17	HL-00069	Vũ Tuấn Linh	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	6.968	6.856.420										6.856.420	404.100	75.800	50.600	68.600	55.000				654.100	6.202.320	
18	HL-00159	Cao Văn Khải	NV bảo vệ	5.287.000	26	A	6.968	6.856.420										6.856.420	423.000	79.400	52.900	68.600	55.000				678.900	6.177.520	
19	HL-00158	Bùi Văn Vượng	Đội phó bảo vệ	5.287.000	21	A	5.565	5.475.887										5.475.887	423.000	79.400	52.900	54.800	55.000				665.100	4.810.787	
20	HL-00133	Nguyễn Viết Ân	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	4.654	4.579.475										4.579.475	404.100	75.800	50.600	45.800	55.000	423.650			1.054.950	3.524.525	
4	**21**	**Tổ bảo vệ KV Hà Ráng - Khe Tam**			**880**		**290.682**	**286.027.259**						**793.000**	**870.000**			**287.690.259**	**13.660.900**	**2.563.000**	**1.710.100**	**2.877.200**	**1.870.000**	**953.000**	**1.378.000**	**800.000**	**25.812.200**	**261.878.059**	
21	HL-05670	Nguyễn Đức Ngọc	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	5.590	5.500.486										5.500.486	384.900	72.200	48.200	55.000	55.000				615.300	4.885.186	
22	HL-02913	Hoàng Kim Thắng	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	5.902	5.807.490										5.807.490	404.100	75.800	50.600	58.100	55.000				643.600	5.163.890	
23	HL-01116	Đỗ Văn Tuyến	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	5.746	5.653.988										5.653.988	398.600	74.800	49.900	56.500	55.000				634.800	5.019.188	
24	HL-01789	Nguyễn Văn Hà	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	6.968	6.856.420										6.856.420	404.100	75.800	50.600	68.600	55.000				654.100	6.202.320	
25	HL-00800	Hà Văn Huy	Đội phó bảo vệ	5.287.000	22	A	6.996	6.883.972						167.000	870.000			7.920.972	423.000	79.400	52.900	79.200	55.000	250.000			939.500	6.981.472	
26	HL-00672	Hoàng Văn Tiến	Bảo vệ cơ động	5.287.000	26	A	5.590	5.500.486										5.500.486	423.000	79.400	52.900	55.000	55.000				665.300	4.835.186	
27	HL-02417	Lý Văn Lâm	NV bảo vệ	4.745.000	26	A	8.788	8.647.276										8.647.276	379.700	71.200	47.500	86.500	55.000				639.900	8.007.376	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương				HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
28	HL-02362	Đặng Hữu Đoàn	NV bảo vệ	4.581.000	26	A	9.932	9.772.957										9.772.957	366.500	68.800	45.900	97.700	55.000				633.900	9.139.057	
29	HL-02141	Bùi Trọng Sơn	Đội trưởng bảo vệ	5.287.000	26	A	9.568	9.414.786										9.414.786	423.000	79.400	52.900	94.100	55.000				704.400	8.710.386	
30	HL-02139	Bùi Đức Huấn	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	10.088	9.926.459										9.926.459	404.100	75.800	50.600	99.300	55.000				684.800	9.241.659	
31	HL-02115	Nguyễn Văn Tung	Tổ trưởng cơ động	4.982.000	26	A	8.164	8.033.269										8.033.269	398.600	74.800	49.900	80.300	55.000				658.600	7.374.669	
32	HL-02093	Nguyễn Trung Năm	NV bảo vệ	5.231.000	26	A	9.308	9.158.950										9.158.950	418.500	78.500	52.400	91.600	55.000				696.000	8.462.950	
33	HL-02030	Nguyễn Văn Dân	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	9.308	9.158.950										9.158.950	384.900	72.200	48.200	91.600	55.000				651.900	8.507.050	
34	HL-01792	Nguyễn Viết Ninh	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	6.968	6.856.420										6.856.420	404.100	75.800	50.600	68.600	55.000				654.100	6.202.320	
35	HL-01527	Hoàng Văn Thanh	NV bảo vệ	5.231.000	26	A	6.968	6.856.420										6.856.420	418.500	78.500	52.400	68.600	55.000				673.000	6.183.420	
36	HL-01481	Đỗ Văn Cương	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	6.968	6.856.420										6.856.420	398.600	74.800	49.900	68.600	55.000				646.900	6.209.520	
37	HL-05745	Nguyễn Việt Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	26	A	9.490	9.338.035										9.338.035	366.500	68.800	45.900	93.400	55.000				629.600	8.708.435	
38	HL-02135	Triệu Tiến Thắng	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	9.776	9.619.455										9.619.455	384.900	72.200	48.200	96.200	55.000				656.500	8.962.955	
39	HL-03641	Nguyễn Hải Đăng	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	11.102	10.924.222										10.924.222	384.900	72.200	48.200	109.200	55.000				669.500	10.254.722	
40	HL-02237	Vũ Công Phê	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	6.500	6.395.914										6.395.914	398.600	74.800	49.900	64.000	55.000	263.000	572.000		1.477.300	4.918.614	
41	HL-00932	Đinh Trung Kiên	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	9.880	9.721.790										9.721.790	384.900	72.200	48.200	97.200	55.000				657.500	9.064.290	
42	HL-02238	Nguyễn Hữu Tú	NV bảo vệ	4.745.000	26	A	6.968	6.856.420						139.000				6.995.420	379.700	71.200	47.500	70.000	55.000		416.000		1.039.400	5.956.020	
43	HL-00279	Cao Văn Trường	Tổ trưởng cơ động	5.287.000	26	A	11.024	10.847.471						139.000				10.986.471	423.000	79.400	52.900	109.900	55.000				720.200	10.266.271	
44	HL-00524	Nguyễn Trọng Phượng	Bảo vệ cơ động	5.287.000	26	A	11.492	11.307.977										11.307.977	423.000	79.400	52.900	113.100	55.000				723.400	10.584.577	
45	HL-00221	Nguyễn Quốc Cường	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	8.840	8.698.444										8.698.444	404.100	75.800	50.600	87.000	55.000				672.500	8.025.944	
46	HL-00240	Nguyễn Văn Quyết	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	26	A	11.648	11.461.479										11.461.479	404.100	75.800	50.600	114.600	55.000	162.000			862.100	10.599.379	
47	HL-00719	Trịnh Trọng Thủy	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	10.010	9.849.708										9.849.708	384.900	72.200	48.200	98.500	55.000				658.800	9.190.908	
48	HL-01480	Phạm Trung Kiên	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	6.968	6.856.420										6.856.420	404.100	75.800	50.600	68.600	55.000		390.000		1.044.100	5.812.320	
49	HL-00325	Vũ Văn Khả	NV bảo vệ	5.231.000	26	A	10.010	9.849.708										9.849.708	418.500	78.500	52.400	98.500	55.000				702.900	9.146.808	
50	HL-00152	Nguyễn Đức Thuận	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	9.412	9.261.284										9.261.284	404.100	75.800	50.600	92.600	55.000			800.000	1.478.100	7.783.184	
51	HL-00073	Khổng Thanh Sơn	Đội trưởng bảo vệ	5.682.000	26	A	9.776	9.619.455						209.000				9.828.455	454.600	85.300	56.900	98.300	55.000				750.100	9.078.355	
52	HL-00071	Nguyễn Văn Nam	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	6.500	6.395.914										6.395.914	404.100	75.800	50.600	64.000	55.000				649.500	5.746.414	
53	HL-02804	Lê Khắc Đạo	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	26	A	8.372	8.237.938										8.237.938	404.100	75.800	50.600	82.400	55.000				667.900	7.570.038	
54	HL-02335	Trần Văn Diên	Bảo vệ cơ động	4.982.000	26	A	10.062	9.900.876						139.000				10.039.876	398.600	74.800	49.900	100.400	55.000	278.000			956.700	9.083.176	
5	**23**	**Tổ bảo vệ KV Khe Chàm**			**497**		**137.843**	**135.635.706**						**167.000**				**135.802.706**	**8.466.800**	**1.588.500**	**1.059.900**	**1.358.000**	**1.155.000**	**278.000**			**13.906.200**	**121.896.506**	
55	HL-06523	Dương Đình Thảo	Đội trưởng cơ động	4.810.000	26	A	9.984	9.824.133										9.824.133	384.900	72.200	48.200	98.200	55.000				658.500	9.165.633	
56	HL-06190	Trần Nhật Nam	NV bảo vệ	4.581.000	26	A	5.434	5.346.985										5.346.985	366.500	68.800	45.900	53.500	55.000				589.700	4.757.285	
57	HL-04215	Nguyễn Mạnh Trường	Tổ trưởng bảo vệ	4.982.000	19	A	5.586	5.496.551										5.496.551	398.600	74.800	49.900	55.000	55.000				633.300	4.863.251	
58	HL-04209	Nguyễn Văn Thắng	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	4.420	4.349.222										4.349.222	398.600	74.800	49.900	43.500	55.000				621.800	3.727.422	
59	HL-02299	Trần Đức Huệ	NV bảo vệ	4.745.000	26	A	5.590	5.500.486										5.500.486	379.700	71.200	47.500	55.000	55.000				608.400	4.892.086	
60	HL-02008	Đào Ngọc Thịnh	NV bảo vệ	4.810.000	19	A	6.745	6.636.991										6.636.991	384.900	72.200	48.200	66.400	55.000				626.700	6.010.291	
61	HL-01994	Nguyễn Văn Việt	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	5.590	5.500.486										5.500.486	404.100	75.800	50.600	55.000	55.000				640.500	4.859.986	
62	HL-01875	Bùi Văn Huy	NV bảo vệ	5.231.000	19	A	5.586	5.496.551										5.496.551	418.500	78.500	52.400	55.000	55.000				659.400	4.837.151	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương				HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
63	HL-02152	Đào Văn Bình	Tổ trưởng bảo vệ	5.231.000	26	A	8.164	8.033.269										8.033.269	418.500	78.500	52.400	80.300	55.000	278.000			962.700	7.070.569	
64	HL-02892	Nguyễn Văn Hải	NV bảo vệ	5.287.000	26	A	7.306	7.189.008										7.189.008	423.000	79.400	52.900	71.900	55.000				682.200	6.506.808	
65	HL-01856	Đoàn Nguyên Thứ	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	5.902	5.807.490										5.807.490	404.100	75.800	50.600	58.100	55.000				643.600	5.163.890	
66	HL-02038	Phạm Văn Dũng	Đội trưởng bảo vệ	5.682.000	20	A	9.120	8.973.960										8.973.960	454.600	85.300	56.900	89.700	55.000				741.500	8.232.460	
67	HL-02943	Vũ Tuấn Khanh	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	5.746	5.653.988										5.653.988	398.600	74.800	49.900	56.500	55.000				634.800	5.019.188	
68	HL-02884	Nguyễn Văn Thuội	Bảo vệ cơ động	5.287.000	26	A	5.902	5.807.490										5.807.490	423.000	79.400	52.900	58.100	55.000				668.400	5.139.090	
69	HL-02827	Nguyễn Hoàng Đồng	Bảo vệ cơ động	5.287.000	26	A	7.306	7.189.008										7.189.008	423.000	79.400	52.900	71.900	55.000				682.200	6.506.808	
70	HL-02805	Vũ Nhiên Tản	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	7.358	7.240.175										7.240.175	404.100	75.800	50.600	72.400	55.000				657.900	6.582.275	
71	HL-00446	Vũ Văn Tới	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	7.098	6.984.339										6.984.339	384.900	72.200	48.200	69.800	55.000				630.100	6.354.239	
72	HL-00154	Vũ Ngọc Vần	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	26	A	5.590	5.500.486										5.500.486	404.100	75.800	50.600	55.000	55.000				640.500	4.859.986	
73	HL-04278	Hoàng Xuân Bá	Đội phó bảo vệ	5.051.000	11	A	4.686	4.610.962						167.000				4.777.962	404.100	75.800	50.600	47.800	55.000				633.300	4.144.662	
74	HL-00718	Nguyễn Tuấn Khải	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	7.358	7.240.175										7.240.175	384.900	72.200	48.200	72.400	55.000				632.700	6.607.475	
75	HL-02828	Tạ Văn Hồng	NV bảo vệ	5.051.000	19	A	7.372	7.253.951										7.253.951	404.100	75.800	50.600	72.500	55.000				658.000	6.595.951	
6	**24**	**Tổ bảo vệ KV Tân Lập**			**390**		**113.776**	**111.954.087**						**139.000**				**112.093.087**	**6.057.300**	**1.136.300**	**758.300**	**1.121.200**	**825.000**	**500.000**			**10.398.100**	**101.694.987**	
76	HL-02099	Nguyễn Công Thành	Đội trưởng bảo vệ	5.287.000	26	A	10.270	10.105.545										10.105.545	423.000	79.400	52.900	101.100	55.000				711.400	9.394.145	
77	HL-02422	Nguyễn Văn Tuấn	NV bảo vệ	4.745.000	26	A	8.372	8.237.938										8.237.938	379.700	71.200	47.500	82.400	55.000	250.000			885.800	7.352.138	
78	HL-00908	Đinh Bá Thi	Đội phó bảo vệ	5.966.000	26	A	9.438	9.286.868						139.000				9.425.868	477.300	89.500	59.700	94.300	55.000				775.800	8.650.068	
79	HL-03934	Trần Huy Toàn	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	6.968	6.856.420										6.856.420	404.100	75.800	50.600	68.600	55.000				654.100	6.202.320	
80	HL-02336	Bùi Công Phóng	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	6.968	6.856.420										6.856.420	384.900	72.200	48.200	68.600	55.000				628.900	6.227.520	
81	HL-01838	Dương Văn Chín	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	5.382	5.295.817										5.295.817	384.900	72.200	48.200	53.000	55.000				613.300	4.682.517	
82	HL-01814	Nguyễn Minh Đức	NV bảo vệ	5.051.000	26	A	8.060	7.930.934										7.930.934	404.100	75.800	50.600	79.300	55.000				664.800	7.266.134	
83	HL-00972	Vũ Viết Trung Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	26	A	8.606	8.468.191										8.468.191	366.500	68.800	45.900	84.700	55.000	250.000			870.900	7.597.291	
84	HL-03938	Phạm Văn Giáp	Tổ trưởng bảo vệ	4.810.000	26	A	6.968	6.856.420										6.856.420	384.900	72.200	48.200	68.600	55.000				628.900	6.227.520	
85	HL-03802	Vũ Văn Hùng	Tổ trưởng cơ động	5.051.000	26	A	8.606	8.468.191										8.468.191	404.100	75.800	50.600	84.700	55.000				670.200	7.797.991	
86	HL-03113	Đinh Hữu Chiến	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	8.372	8.237.938										8.237.938	398.600	74.800	49.900	82.400	55.000				660.700	7.577.238	
87	HL-00070	Nguyễn Gia Chính	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	26	A	6.448	6.344.747										6.344.747	404.100	75.800	50.600	63.400	55.000				648.900	5.695.847	
88	HL-03808	Trịnh Văn Minh	Tổ trưởng bảo vệ	5.051.000	26	A	6.968	6.856.420										6.856.420	404.100	75.800	50.600	68.600	55.000				654.100	6.202.320	
89	HL-04919	Nguyễn Văn Tuấn	Bảo vệ cơ động	5.231.000	26	A	4.290	4.221.304										4.221.304	418.500	78.500	52.400	42.200	55.000				646.600	3.574.704	
90	HL-03956	Nguyễn Hữu Tiễn	Bảo vệ cơ động	5.231.000	26	A	8.060	7.930.934										7.930.934	418.500	78.500	52.400	79.300	55.000				683.700	7.247.234	
Tổng cộng					**2.260**		**612.996**	**681.665.770**	**3**	**934.038**	**2**	**900.000**	**54.278**	**1.683.000**	**5.655.000**	**0,37**	**1.037.550**	**691.929.636**	**37.498.800**	**7.035.100**	**4.693.700**	**6.919.900**	**4.950.000**	**2.546.750**	**1.378.000**	**800.000**	**65.822.250**	**626.107.386**	

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 7 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng